

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO LẠC
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HS-ST

Ngày: 16-01-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO LẠC, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doanh Thị Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đàm Thế Dũng

Bà Dương Thị Lầu

- Thư ký phiên tòa: Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Bế Sư Chương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 01 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 46/2019/TLST-HS ngày 20 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 01 năm 2020 đối với:

Bị cáo **Quan Văn C**; sinh ngày 14 tháng 5 năm 1993

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: Xóm X, xã K, huyện B, tỉnh C;

Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C.

Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ văn hóa: 11/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Quan Văn P, sinh năm 1971 và con bà Hoàng Thị H, sinh năm 1971; Vợ: Lương Thị N, sinh năm 1995; Con: Có 01 con nhỏ sinh năm 2015;

Tiền án, Tiền sự: Không có; Nhân thân: Không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, sau đó là tạm giam từ ngày 16/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện BL, tỉnh C

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hoàng Thị Diệp H1 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa).

* *Người có quyền lợi liên quan:* Bà Đặng Mùi D, sinh năm 1959; Nơi cư trú: Xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa)

** Người làm chứng:*

- Ông Quan Văn T, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Xóm B, xã H, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Nông Đại Th, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa);

- Ông Đàm Thanh T1, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh C (Vắng mặt tại phiên tòa);

** Người phiên dịch:* Ông Phùng Tồn Ch, sinh năm 1984; Nơi cư trú: Xóm N, xã H, huyện B, tỉnh C (Có mặt tại phiên tòa);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 15 giờ 30 phút ngày 16 tháng 9 năm 2019, Tổ công tác Công an huyện B đang làm nhiệm vụ tại khu vực tổ dân phố E thị trấn B, huyện B thì phát hiện Quan Văn C, sinh năm 1993 trú tại xóm X, xã K, huyện B có biểu hiện nghi vấn mua bán trái phép chất ma túy. Tổ công tác tiến hành kiểm tra đối tượng phát hiện thu giữ, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, niêm phong vật chứng gồm: 01 (Một) điện thoại di động, 01 (Một) túi nilon màu đỏ bên trong có 01 (Một) bao thuốc lá Thăng Long màu vàng, có chứa 34 (Ba mươi tư) gói giấy màu vàng, bạc, xanh khác nhau, trong chứa chất bột màu trắng dạng vón cục, 01 (Một) xi lanh kim tiêm, 01 (Một) lọ Novocain, 02 (Hai) bật lửa ga, 01 (Một) con dao gấp màu trắng dài 08cm, số tiền 7.508.000 đồng (Bảy triệu năm trăm linh tám nghìn đồng).

Hồi 09 giờ 00 phút ngày 17/9/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B tiến hành mở niêm phong cân xác định khối lượng vật chứng vụ án, lấy mẫu giám định và niêm phong lại. Kết quả, toàn bộ số chất bột màu trắng bên trong 34 (Ba mươi tư) gói nhỏ quá trình bắt quả tang, thu giữ của Quan Văn C có khối lượng là 2,72g (Hai phẩy bảy hai gam). Cơ quan điều tra đã tách lấy một phần gửi trung cầu giám định. Tại Bản kết luận giám định số 243/GĐMT ngày 27/9/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh C kết luận: Chất bột màu trắng bên trong phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, loại Heroine.

Tại cơ quan điều tra, Quan Văn C khai nhận: Bản thân sử dụng và lệ thuộc vào chất ma túy từ năm 2017 đến nay. Loại ma túy mà C sử dụng là Heroine, hình thức là chích trực tiếp qua mạch máu vào cơ thể. Toàn bộ số ma túy bên trong 34 (Ba mươi tư) gói nhỏ mà Cơ quan Công an bắt quả tang, thu giữ ngày 16/9/2019 là của C, do C mua về sử dụng và chia nhỏ để bán kiếm lời. Trong tháng 9/2019, do nhu cầu sử dụng ma túy ngày càng cao, không có tiền mua ma túy sử dụng thỏa mãn nhu cầu bản thân, C nảy sinh ý định mua ma túy về chia nhỏ bán lại cho các con nghiện khác kiếm lời. Nguồn ma túy có để bán C mua với Nông Văn K, sinh năm 1990, trú tại xóm N, xã C, B. Hình thức gọi điện thoại trao đổi hẹn địa điểm, số tiền, khối lượng ma túy mua bán, sau đó gặp

nhau trao đổi trực tiếp. C được mua ma túy với K 03 (Ba) lần, cụ thể: Lần thứ nhất, vào khoảng 08 giờ ngày 15/9/2019, C mua ma túy với K 01(Một) gói nhỏ với số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng); Lần thứ hai, cách lần thứ nhất khoảng 30 phút C mua ma túy với K 01 (Một) gói nhỏ với số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); Lần thứ ba, vào khoảng 09 giờ 00 phút, ngày 16/9/2019, C mua với K 01 (Một) gói ma túy với số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng). Cả 03 (Ba) lần địa điểm đều tại đầu cầu N, thị trấn B, huyện B.

Sau khi mua được ma túy với K, C đem về sử dụng và chia nhỏ ra bán cho các con nghiện khác kiếm lời, cụ thể:

1. Bán cho Nông Đại Th, sinh năm 1984, trú tại Tổ dân phố A, thị trấn B, huyện B, tỉnh C một lần một gói nhỏ ma túy với số tiền 130.000 đồng (Một trăm ba mươi nghìn đồng) vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 15/9/2019 tại đường đi xã P, huyện B thuộc tổ dân phố E, thị trấn B. Hình thức là gọi điện thoại hẹn gặp trao đổi ma túy.

2. Bán cho Quan Văn T, sinh năm 1984, trú tại B, xã H, huyện B hai lần: Lần thứ nhất vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 15/9/2019 ở đường đi xã P thuộc tổ dân phố E, thị trấn B, huyện B, một gói nhỏ ma túy với số tiền 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng) C gặp T ở quán bi a tại Tổ dân phố E, hỏi mua ma túy rồi cả hai hẹn nhau trao đổi mua bán; Lần thứ hai, vào khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/9/2019 bán cho T hai gói nhỏ ma túy với số tiền 400.000 đồng (Bốn trăm nghìn đồng) cạnh nhà hàng CL, thuộc tổ dân phố P, thị trấn B, huyện B, T gọi điện thoại hỏi mua ma túy rồi hẹn gặp trao đổi ma túy.

3. Bán cho Tô Tuấn A1, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố P, thị trấn B, huyện B một lần vào khoảng 12 giờ 00 phút ngày 15/9/2019 tại đường đi xã P thuộc Tổ dân phố E, thị trấn B, huyện B. bán một gói nhỏ ma túy với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) nhưng do không có tiền nên A1 chỉ trả 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Hình thức C gặp A1 ở quán bi a, hỏi mua rồi hẹn nhau ở đường đi xã P trao đổi ma túy.

4. Bán cho Đàm Thanh T1, sinh năm 1992, trú tại Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B hai lần, mỗi lần một gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng): Lần thứ nhất vào khoảng 15 giờ 00 phút ngày 15/9/2019 ở đường lên Nghĩa Trang thuộc tổ dân phố E, thị trấn B, huyện B, T1 gặp trực tiếp C trao đổi mua bán; Lần thứ hai, vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/9/2019 tại đường đi xã P thuộc Tổ dân phố E, thị trấn B, huyện B T1 gọi điện thoại liên lạc trao đổi mua ma túy trước rồi hẹn gặp địa điểm mua bán ma túy.

5. Bán cho Hoàng Đức K1, sinh năm 1990, trú tại Tổ dân phố Q, thị trấn B, huyện B một lần một gói với số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) vào khoảng 15 giờ 30 phút ngày 16/9/2019 ở đường đi xã P thuộc Tổ dân phố E, thị trấn B, huyện B, K1 gặp trực tiếp C hỏi, trao đổi mua bán.

Sau khi bán ma túy cho Hoàng Đức K1, Đàm Thanh T1 xong thì Quan Văn C bị Công an huyện B, phát hiện bắt quả tang.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bà Đặng Mùi D trình bày: Bà và Quan Văn C có quan hệ hàng xóm với nhau, C là người nơi khác đến ở rể cùng xóm. Ngày 28/7/2019 C hỏi vay số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) nói là để giải quyết việc riêng, hai bên không làm giấy tờ vay mượn, có các con của bà chứng kiến. Bà không biết C vay tiền dùng vào mục đích gì. Sau đó bà biết C bị bắt, nên bà yêu cầu được trả lại số tiền đã cho C vay.

Tại cơ quan điều tra Quan Văn T, Nông Đại Th, Đàm Thanh T1, Tô Tuấn A1, Nông Văn K đều khai nhận là người sử dụng và lệ thuộc vào ma túy. Trong tháng 9 năm 2019 đều được mua và bán ma túy cho Quan Văn C.

Đối với Nông Đại Th, Quan Văn T, Đàm Thanh T1 là các đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy, Công an huyện B đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo khoản 1 Điều 21 Nghị định 167/2013/NĐ-CP ngày 12/11/2013 của Chính phủ. Hoàng Đức K1, hiện không có mặt tại địa phương, gia đình và chính quyền địa phương không biết K1 đang làm gì, ở đâu, do vậy Cơ quan điều tra không tiến hành ghi lời khai được. Đối với Tô Tuấn A1 đã bị bắt tạm giam về hành vi phạm tội khác. Đối với Nông Văn K, Cơ quan điều tra đã tách ra khỏi tổ trong vụ án khác.

Tại bản Cáo trạng số: 02/CT-VKSBL ngày 18/12/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh C đã truy tố bị cáo Quan Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Quan Văn C theo như bản Cáo trạng đã nêu. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị khung hình phạt đối với bị cáo Quan Văn C từ 07 (Bảy) đến 08 (Tám) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tịch thu tiêu hủy 01(Một) phong bì niêm phong, mặt trước ghi “phần để lại vật chứng vụ Quan Văn C, SN 1993, trú tại X, K, B, C bắt ngày 16/9/2019” mặt sau có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong và bốn góc phong bì được đóng dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện B. (Bên trong phong bì gồm có 01 túi ni lông, 01 vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng); 01 (Một) Bơm kim tiêm, đã qua sử dụng; 01 (Một) Lọ nước Novocain; 02 (Hai) Bật lửa ga, đã qua sử dụng; 01 (Một) Dao gấp màu trắng, dài 08 cm, đã qua sử dụng.

- Số tiền: 7.508.000 đồng (Bảy triệu năm trăm linh tám nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định trong đó có 1.380.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo bán ma túy mà có đề nghị tịch thu xung công quỹ nhà nước; Số tiền còn lại 6.128.000 đồng (Sáu triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) xác định không liên quan đến hành vi phạm tội nên xét cần trả lại cho bị cáo. Đối với yêu cầu của bà Đặng mùi D về số tiền cho bị cáo vay là quan hệ dân sự giữa hai bên tự

thỏa thuận giải quyết.

- 01 (Một) Điện thoại di động màu đen, mặt trước và sau đều có chữ Hononor, Imeli 862565046039326; số Imeli 86256546039334; điện thoại cũ đã qua sử dụng là phương tiện, dụng cụ dùng vào việc phạm tội xét cần tịch thu phát mại, sung công quỹ nhà nước;

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo trình bày: Nhất trí với Cáo trạng đã truy tố bị cáo cũng như Bản luận tội, điều luật áp dụng, khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Tuy nhiên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét đến các tình tiết: Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải. Bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, cân nhắc áp dụng tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 cho bị cáo Quan Văn C được hưởng mức hình phạt thấp nhất của khung hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị. Đối với số tiền cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo mà không chứng minh là tiền do bị cáo mua bán ma túy mà có đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo.

Bị cáo Quan Văn C nhận thấy hành vi của mình là sai, là vi phạm pháp luật. Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi liên quan, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo Quan Văn C thừa nhận bản Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là đúng. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người có quyền lợi liên quan, người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ.

Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi hành vi do mình gây ra. Bị cáo thực hiện hành vi với lỗi cố ý trực tiếp.

Theo quy định tại Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017:

“Điều 251. Tội Mua bán trái phép chất ma túy

1. Người nào mua bán trái phép chất ma túy, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) ...; b) Phạm tội 02 lần trở lên; c) Đối với 02 người trở lên;”.

Như vậy, hành vi của bị cáo Quan Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố đối với bị cáo Quan Văn C về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo Quan Văn C sinh ra và lớn lên tại xã K, huyện B, tỉnh C. Được gia đình nuôi ăn học đến hết lớp 11/12, sống trong môi trường xã hội lành mạnh. Còn trẻ, có sức khỏe, nhưng lười lao động, đua đòi sa vào nghiện ngập. Bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn bất chấp thực hiện, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện, làm phức tạp thêm tình hình tội phạm và tệ nạn xã hội ở địa phương. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo hợp tác với Cơ quan điều tra, thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải xử lý bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để giáo dục, cải tạo bị cáo thành người có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- 01(Một) Phong bì niêm phong, mặt trước ghi “phần để lại vật chứng vụ Quan Văn C, SN 1993, trú tại X, K, B, C, bắt ngày 16/9/2019” mặt sau có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong và bốn góc phong bì được đóng dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện B. (Bên trong phong bì gồm có 01(một) túi ni lông, 01(một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng); 01 (Một) Bơm kim tiêm đã qua sử dụng; 01 (Một) lọ nước Novocain; 02 (Hai) Bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 (Một) dao gấp màu trắng, dài 08 cm đã qua sử dụng là vật cấm lưu hành và không còn giá trị sử dụng xét cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền: 7.508.000 đồng (Bảy triệu năm trăm linh tám nghìn đồng) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam thu giữ của bị cáo. Quá trình điều tra xác định trong đó có 1.380.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) là tiền bị cáo bán ma túy mà có xét cần tịch thu xung công quỹ nhà nước; Số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) bị cáo thừa nhận đã vay của bà Đặng Mùi D để dùng vào việc riêng, nhưng chưa sử dụng đến, bị cáo đề nghị được trả lại cho

bà D số tiền này. Hội đồng xét xử xét thấy quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và người có quyền lợi liên quan đều khai nhận thống nhất về số tiền đã vay nên xét cần trả lại cho bà Đặng Mùi D số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng), số tiền còn lại 1.128.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, xét cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (Một) Điện thoại di động màu đen, mặt trước và sau đều có chữ Hononor, Imeli 862565046039326; số Imel2 86256546039334 điện thoại cũ đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện phạm tội xét cần tịch thu phát mại sung công quỹ nhà nước.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017. Tuyên bố bị cáo Quan Văn C phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt bị cáo Quan Văn C 07 (Bảy) năm tù. Thời gian thụ hình tính từ ngày bị cáo bị bắt ngày 16/9/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi bổ sung 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) Phong bì niêm phong, mặt trước ghi “phần để lại vật chứng vụ Quan Văn C, SN 1993, trú tại X, K, B, C, bắt ngày 16/9/2019” mặt sau có chữ ký của các thành viên tham gia niêm phong và bốn góc phong bì được đóng dấu giáp lai của Cơ quan CSĐT Công an huyện B. (Bên trong phong bì gồm có 01(một) túi ni lông, 01(một) vỏ bao thuốc lá Thăng Long màu vàng); 01 (Một) Bơm kim tiêm đã qua sử dụng; 01 (Một) lọ nước Novocain; 02 (Hai) Bật lửa ga đã qua sử dụng; 01 (Một) dao gấp màu trắng, dài 08 cm đã qua sử dụng;

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 1.380.000 đồng (Một triệu ba trăm tám mươi nghìn đồng) thu giữ của bị cáo Quan Văn C;

- Trả lại cho bà Đặng Mùi D, nơi cư trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) thu giữ của bị cáo Quan Văn C;

- Trả lại cho bị cáo Quan Văn C, nơi cư trú xóm K, xã H, huyện B, tỉnh C số tiền 1.128.000 đồng (Một triệu một trăm hai mươi tám nghìn đồng) nhưng được tạm giữ để đảm bảo thi hành án;

- Tịch thu phát mại nộp công quỹ nhà nước: 01 (Một) Điện thoại di động màu đen, mặt trước và sau đều có chữ Hononor, Imeli 862565046039326; số Imel2 86256546039334 điện thoại cũ đã qua sử dụng;

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016

Bị cáo Quan Văn C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp công quỹ nhà nước.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi liên quan. Bị cáo, người có quyền lợi liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện; VKSND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Chi cục THADS huyện;
- Công an huyện, Trại giam;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- UBND xã K, huyện B;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

DOANH THỊ MÂY